

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 14- 11- 2018

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Đoan- là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 84/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân , tỉnh Cà Mau **bị kháng cáo.**

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Minh T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C, .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Lệ T2, sinh năm 1968 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C, .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Hồng M, sinh năm 1982 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3. Ông Tô Thế K1, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Thứ Vải A, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1944 (vắng mặt).

5. Bà Biện Thị C, sinh năm 1949 (có mặt).
6. Bà Trần Diễm K2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C, .

7. Ông Lữ An P, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C, .

8. Chị Trần Thị N2, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 939, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

9. Bà Tô Bé E (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, thị t, huyện C, tỉnh C,

10. Bà Biện Thị N3, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C, .

11. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Cư trú tại: Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Công K3 – Phó giám đốc Phòng giao dịch
Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Tân (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Đỗ Minh T1 – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Minh T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Lệ T2 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cãi và xúc phạm lẫn nhau, ông và bà T2 đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Lệ T2.

Về con chung: Ông và bà T2 có 02 người con là Đỗ Tấn Tài, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1994 và Đỗ Tiên Tiến, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2005. Đối với Đỗ Tấn Tài đã thành niên, có khả năng tự lao động sinh sống, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Đỗ Tiên Tiến ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T2 có nợ bà Trịnh Thị N1 và ông Tô Thế K1 5.500.000 đồng, bà T2 trình bày là nợ bà N1 và ông K1 10.000.000 đồng là không đúng; Nợ vật liệu xây dựng Lữ Hồng là 2.000.000 đồng, bà T2 trình bày là nợ 3.000.000 đồng là không đúng; Nợ bà Tô Bé E 2.000.000 đồng, do ông mượn sửa xe vào năm 2015. Các khoản nợ trên ông yêu

cầu ông và bà T2 chia đôi để trả cho các chủ nợ. Đối với các khoản nợ còn lại do bà T2 trình bày ông không biết, nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà T2.

Về tài sản chung: Ông và bà T2 có 01 căn nhà cất năm 2015 và 01 chòi giữ xuống cất năm 2013, nay ông yêu cầu chia đôi, ông yêu cầu nhận căn nhà và chòi, giao $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền cho bà T2 quản lý sử dụng, 01 chiếc xe hiệu Sirius mua năm 2013, 01 cây đàn mua vào năm 2015, ông đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà T2, ông yêu cầu nhận tiền, giao xe và cây đàn cho bà T2 quản lý, sử dụng. Đối với các tài sản trên ông đang quản lý, sử dụng toàn bộ.

Về tài sản riêng: Ông có 02 phần đất tọa lạc tại ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, tổng diện tích là 16,502 m². Nguồn gốc đất là do cha mẹ ruột ông tên Đỗ Phương Tiệp và mẹ tên Nguyễn Thị Cảnh cho riêng ông vào năm 2013, đến năm 2014 ông được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản này cha mẹ ông cho riêng ông là tài sản riêng của ông, bà T2 yêu cầu chia ông không đồng ý.

- *Bị đơn bà Nguyễn Lệ T2 trình bày:* Về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như ông T1 trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng không đúng như ông T1 trình bày mà mâu thuẫn là do ông T1 có quan hệ tình cảm với người khác nên bà và ông T1 xảy ra cự cãi. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2016 đến nay, do cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà đồng ý ly hôn với ông Đỗ Minh T1.

Về con chung: Có 02 người con chung đúng như ông T1 trình bày, nay bà đồng ý giao con là Đỗ Tiên Tiến, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2005 cho ông Đỗ Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm có 02 phần đất do cha mẹ ông T1 là ông Đỗ Phương Tiệp và bà Nguyễn Thị Cảnh cho vợ chồng bà, đến năm 2014 ông Tiệp và bà Cảnh mới làm thủ tục tặng cho Quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Minh T1 đứng tên, phần đất thứ nhất có diện tích 13.449,4 m², phần đất thứ hai có diện tích 3.052,6 m² được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 8 năm 2014 tọa lạc tại ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, tổng diện tích là 16,502m². Nguồn gốc phần đất trước đây ông Đỗ Phương Tiệp có cho ông Bùi Văn Cam 01 dây đất khoảng 15 công tầm lớn, sau đó bà và ông T1 xuất ra 22,5 chỉ vàng 24k để chuộc đất, sau khi chuộc đất thì ông Đỗ Phương Tiệp cắt ra 01 phần trong dây đất trên cho bà và ông T1 quản lý, sử dụng từ năm 2000 đến nay, năm 2014 ông T1 đã được cấp Quyền sử dụng đất với diện tích 13.449,4 m². Ngoài ra, ông Đỗ Phương Tiệp có cổ cho ông Huỳnh Văn Công 02 công đất ruộng, sau đó ông Công có lại cho bà Phạm Thị Tiêm bằng 03 chỉ vàng 24k. Năm 1996, bà và ông T1 xuất ra 03 chỉ vàng 24k chuộc lại đất từ bà Tiêm và bà Tiêm giao lại giấy cổ đất giữa bà Tiêm và ông Công cho bà. Sau khi chuộc đất, thì ông Đỗ Phương Tiệp giao lại toàn bộ miếng đất vườn (trong đó có 02 công đất ruộng) trên cho bà và ông T1 quản lý, sử dụng. Đến năm 2014 thì ông Đỗ Phương Tiệp làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T1 và ông T1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2014 với diện tích 3.052,6 m². Do đây là tài sản chung, nên bà yêu cầu chia đôi, bà và ông T1 mỗi

người được nhận 8.251 m² đất. Bà và ông T1 còn có các tài sản gồm 01 căn nhà (gồm nhà trên và nhà dưới), 01 chòi giữ vỏ, cất năm 2013, bà yêu cầu chia đôi, bà nhận nhà và chòi, giao ½ giá trị bằng tiền cho ông T1. 01 cây đàn cổ, 01 chiếc xe hiệu Sirius, hiện ông T1 đang quản lý sử dụng, nay bà yêu cầu chia đôi, giao đàn và xe cho ông T1 tiếp tục sử dụng, bà nhận ½ giá trị tài sản.

Về nợ chung: Vào năm 2011, ông T1 mượn 10 chỉ vàng 24k của bà Biện Thị C để mua dàn âm thanh, bà mượn 20.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, khi mượn không có làm giấy tờ gì. Năm 2011 mượn 40.000.000 đồng của bà Nguyễn Hồng M để mua vỏ, hiện vỏ đã bị công an thu giữ do tài sản mua không hợp pháp. Năm 2013, ông T1 trực tiếp mượn của bà Trịnh Thị N1 và ông Tô Thế K1 5.500.000 đồng, bà mượn của bà N1 và ông K1 4.500.000 đồng; tổng cộng nợ bà N1, ông K1 là 10.000.000 đồng. Nợ vật liệu xây dựng Lữ Hồng là 3.000.000 đồng tiền mua vật tư xây nhà năm 2013. Tháng 6 năm 2016 mượn của bà Trần Thị N2 26.000.000 đồng để cải tạo vuông và đóng tiền cho con tên Đỗ Tấn Tài học đàn. Nợ bà Tô Bé E 2.000.000 đồng, do ông T1 mượn sửa xe vào năm 2015. Tháng 4 năm 2016 mượn của bà Huỳnh Thị Ú 6.000.000 đồng thả tôm, sau đó tháng 02 năm 2017 mượn 4.000.000 đồng để trị bệnh cho con; tổng cộng nợ của bà Ú là 10.000.000 đồng. Tháng 6 năm 2016 ông T1 mượn của bà Trần Diễm K2 20.000.000 đồng để trả tiền cải tạo vuông. Nợ bà Biện Thị N3 1.500.000 đồng, tiền mua tôm giống vào khoảng năm 2014. Nay bà yêu cầu chia đôi nợ chung, bà và ông T1 cùng chịu trách nhiệm trả cho các chủ nợ trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thế K1 trình bày:* Năm 2013, ông có cho ông T1 và bà T2 mượn tiền nhiều lần, ông T1 trực tiếp đến mượn và nhận tiền là 5.500.000 đồng, khi mượn thì không làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng. Sau đó, bà T2 có đến mượn 02 lần là 4.500.000 đồng, không có ông T1, khi mượn cũng không làm giấy tờ gì, chỉ nói miệng. Tổng cộng, ông T1 và bà T2 còn nợ ông số nợ là 10.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 trả 10.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng M trình bày:* Năm 2011, bà có cho ông Đỗ Minh T1 mượn 40.000.000 đồng để mua vỏ (xuông). Khi cho mượn tiền thì không làm giấy tờ gì, bà trực tiếp mang tiền giao cho ông T1 và bà T2. Nay bà yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 trả 40.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Biện Thị C trình bày:* Năm 2011, bà có cho ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 mượn 10 chỉ vàng 24k để mua dàn âm thanh, khi mượn thì không làm biên nhận, hay giấy tờ gì, chỉ nói miệng, bà giao vàng trực tiếp cho ông T1 và có mặt cháu ngoại là Đỗ Tấn Tài chứng kiến. Cũng trong năm 2011, bà tiếp tục cho ông T1 và bà T2 mượn tiền nhiều lần, lần thứ nhất mượn 10.000.000 đồng, lần thứ hai mượn 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng, bà giao tiền trực tiếp cho ông T1 và bà T2. Khi cho mượn tiền cũng không làm biên nhận hay giấy tờ gì, chỉ nói miệng. Nay bà yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 trả 10 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ú trình bày:* Khoảng tháng 4 tháng 2016, bà có cho bà Nguyễn Lệ T2 mượn số tiền 6.000.000 đồng để trả tiền mua tôm, cua giống. Tháng 02 năm 2017 bà tiếp tục cho bà T2 mượn 4.000.000 đồng để trị bệnh cho con là Đỗ Tấn Tài. Khi mượn thì không làm biên nhận hay giấy tờ gì, chỉ nói miệng. Tổng số nợ là 10.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 trả cho bà 10.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Diễm K2 trình bày:* Vào tháng 6 tháng 2016, ông Đỗ Minh T1 có mượn của bà 3.000.000 đồng, ông T1 hỏi mượn tiền để trả tiền xăng cuộc, tháng 9 tháng 2016 bà T2 mượn bà 7.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình, tháng 11 năm 2016 bà T2 tiếp tục mượn 10.000.000 đồng để mua sắm vật dụng gia đình và đóng lãi ngân hàng, tổng cộng là 20.000.000 đồng. Khi cho mượn thì chỉ nói miệng, không có biên nhận, không thỏa thuận lãi suất. Đến tháng 5 tháng 2017, bà có yêu cầu bà T2 và ông T1 trả số nợ trên nhưng bà T2 và ông T1 không trả. Nay bà yêu cầu ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 trả cho bà tổng số tiền nợ là 20.000.000 đồng.

- *Tại đơn yêu cầu ngày 29 tháng 5 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N2 trình bày:* Tháng 6 năm 2016 dương lịch, bà có cho ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2 mượn 26.000.000 đồng để cải tạo ruộng tôm và cho con đi học đàn, khi mượn chỉ nói miệng, không làm biên nhận, bà đưa tiền trực tiếp cho ông T1 và bà T2, ông T1 và bà T2 hứa cuối năm 2016 sẽ trả số nợ trên nhưng đến nay chưa trả, nay bà yêu cầu ông T1 và bà T2 trả cho bà 26.000.000 đồng. Do bà đã trình bày rõ yêu cầu nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Ông Phạm Công K3 đại diện Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:* Ngày 28 tháng 12 năm 2013, bà Nguyễn Lệ T2 và ông Đỗ Minh T1 vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phú Tân 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10 tháng 8 năm 2018. Đến ngày 10 tháng 6 năm 2015, bà T2 và ông T1 vay thêm 12.000.000 đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 10 tháng 6 năm 2020; tổng số nợ gốc là 32.000.000 đồng. Đối với khoản nợ trên, Ngân hàng không khởi kiện mà để tự thỏa thuận thanh lý nợ với bà T2 và ông T1. Đồng thời, do ông bận công việc nên ông xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án.

- *Tại bản tự khai ngày 19 tháng 5 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ An P trình bày:* Ông là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng Lữ Hồng, năm 2013 ông T1 và bà T2 có nợ tiền mua vật liệu xây dựng là 3.000.000 đồng đến nay chưa trả, nay ông và ông T1, bà T2 tự thỏa thuận việc trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết và xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2017, bà Biện Thị N3 trình bày:* Trước đây bà và ông T1, bà T2 có giao dịch mua bán cua giống, hiện nay ông T1 và bà T2 còn nợ bà 1.000.000 đồng chứ không phải 1.500.000 đồng, nay bà yêu cầu tự thỏa thuận với ông T1 và bà T2, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời bà xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Bà Tô Bé E đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng vụ án nhưng đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, lời khai cho Tòa án.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ dân sự số : 84/HNGĐ-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 27, Điều 32, Điều 85, Điều 87, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 94, Điều 95, Điều 96 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các điều 471; Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2.

2. Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2, giao người con chung tên Đỗ Tiên Tiến (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 9 năm 2005 cho ông Đỗ Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Lệ T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Lệ T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Lệ T2 về việc yêu cầu chia đôi 02 phần đất tọa lạc tại ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau diện tích là 8.251 m².

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Lệ T2 về việc chia đôi tài sản chung, giao cho ông T1 quản lý sử dụng 01 căn nhà, 01 chòi giữ xuống, 01 chiếc xe hiệu Sirius, một cống xổ nước, 01 giếng khoan. Buộc ông Đỗ Minh T1 giao cho bà Nguyễn Lệ T2 ½ giá trị tài sản là 28.676.326 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

Buộc ông T1 trả cho bà T2 công sức đóng góp với số tiền 72.113.200 đồng

Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T2 tiền chi phí định giá với số tiền 1.179.500 đồng.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tô Thế K1, bà Nguyễn Hồng M, bà Biện Thị C (Chờ), bà Trần Diễm K2, bà Trần Thị N2, bà Huỳnh Thị Ú.

Buộc ông Đỗ Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thế K1 và bà Trịnh Thị N1 5.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Hồng M 20.000.000 đồng; trả cho bà Biện Thị C 05 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Diễm K2 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thị N2 13.000.000 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Ú 5.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Lệ T2 có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thế K1 và bà Trịnh Thị N1 5.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Hồng M 20.000.000 đồng; trả cho bà Biện

Thị C (Chờ) 05 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Diễm K2 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thị N2 13.000.000 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Ú 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, ông Đỗ Minh T1 kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, đối với các nội dung:

- Số vàng 03 chỉ 24k là tài sản riêng của ông Đỗ Minh T1, do cha ông T1 là ông Đỗ Minh Tiễn cho riêng ông T1 vào năm 1996; ông T1 không đồng ý trả cho bà Thủy công sức đóng góp với số tiền 72.113.200 đồng; ông T1 không đồng ý trả tiền chi phí định giá tài sản là 1.179.500 đồng;

- Ông T1 không đồng ý với khoản nợ chung, buộc ông T1 trả cho Tô Thế Kỷ, Trịnh Thị Ng 5.000.000 đồng, bà Nguyễn Hồng M 20.000.000 đồng, bà Biện Thị C chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng, bà Trần Kiều D 10.000.000 đồng, bà Trần Thị Ni 13.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ú 5.000.000 đồng. Theo đó, ông T1 chỉ chấp nhận mượn bà K và bà Ng 5.500.000 đồng, như vậy mỗi người chịu trách nhiệm trả 2.750.000 đồng. Còn lại 4.500.000 đồng là do bà Th mượn riêng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông T1 giữ ý yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị giữ ý bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của ông Đỗ Minh T1 không thống nhất chia công sức đóng góp cho bà Thủy, không đồng ý trả nợ chung, không đồng ý chia đôi 03 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả tiền chi phí tố tụng. Các phần khác của Bản án sơ thẩm ông Đỗ Minh T1 thống nhất không có kháng cáo.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên án sơ thẩm xét xử cho ông T1 và bà Thủy ly hôn; đồng thời các bên cũng thống nhất giao cháu Đỗ Tiên Tiến sinh ngày 16 tháng 9 năm 2005 cho ông Đỗ Minh T1 nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng điều này là phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của ông T1 không chấp nhận trả cho bà Thủy công sức đóng góp với số tiền 72.113.200 đồng. Thấy rằng, đối với hai phần đất có diện tích 13.449,4 m² và phần đất có diện tích 3.052,6 m² tọa lạc tại ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau hai phần đất này do ông T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Bà T2 cho rằng phần đất nêu trên là cha mẹ chồng cho chung bà T2 và ông T1 trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên,

án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia đất của bà Th mà chấp nhận chia công sức đóng góp cho bà Thủy vào 2 miếng đất này là có cơ sở (và bà Thủy cũng chấp nhận với án sơ thẩm), điều này là phù hợp, vì từ khi bà T2 và ông T1 chung sống bà T2 và ông T1 trực tiếp khai phá, đầu tư cải tạo trên phần đất nêu trên nên có công sức đóng góp vào việc làm nâng giá trị của đất là có cơ sở. Tại khoản 1 Điều 96 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “*Trường hợp vợ chồng chung sống với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập duy trì phát triển khối tài sản chung ...*”. Cấp sơ thẩm xét công sức đầu tư cải tạo phần đất của bà T2 là có, nên được nhận công sức đóng góp là 20% giá trị phần đất nêu trên. Tại biên bản định giá tài sản ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá xác định giá trị phần đất nêu trên là 360.566.000 đồng. Do đó ông T1 có nghĩa vụ giao cho bà T2 công sức đóng góp là 72.113.200 đồng là phù hợp.

[4] Đối với kháng cáo của ông T1 cho rằng không thừa nhận 03 chỉ vàng là tài sản chung, xét thấy việc bà T2 có đưa 03 chỉ vàng 24k để chuộc đất ruộng từ bà Phạm Thị Tiêm, được bà Tiêm thừa nhận tại biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án, đồng thời sau khi chuộc đất bà Tiêm có đưa “tờ giao kèo cổ đất” của ông Huỳnh Văn Công cho bà T2 giữ và bà T2 đã nộp cho Tòa án, nên việc bà T2 chuộc đất từ bà Phạm Thị Tiêm bằng 03 chỉ vàng 24k là có căn cứ chấp nhận. Do 03 chỉ vàng 24k ông T1 và bà T2 bỏ ra để chuộc đất và phần đất này hiện nay ông T1 đang quản lý nên ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T2 1,5 chỉ vàng 24k là có cơ sở.

[5] Về nợ chung: Việc ông T1 kháng cáo không chấp nhận trả nợ chung là không phù hợp luật định, bởi lẽ bà C, bà Ú, bà K2, bà N2, bà M, ông K1 và bà T2 đều thống nhất số tiền và thời gian mượn nợ là từ năm 2011 đến năm 2016 là trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 nên buộc ông T1 liên đới trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ trên là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông T1 về nội dung không thừa nhận nợ chung nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Chi phí định giá tài sản, trách nhiệm chịu chi phí tố tụng đã được quy định trong theo Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, do bà T2 đã nộp 2.359.080 đồng, nay buộc ông T1 phải hoàn lại $\frac{1}{2}$ chi phí định giá cho bà T2 là phù hợp.

[7] Viện kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Minh T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Do kháng cáo của ông Đỗ Minh T1 không được chấp nhận, nên ông T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Việc xét xử vắng mặt các đương sự được thực hiện theo luật định.

[10] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Minh T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2018/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2.

2. Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đỗ Minh T1 và bà Nguyễn Lệ T2, giao người con chung tên Đỗ Tiên T (giới tính nam), sinh ngày 16 tháng 9 năm 2005 cho ông Đỗ Minh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Lệ T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Lệ T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Lệ T2 về việc yêu cầu chia đôi 02 phần đất tọa lạc tại ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau diện tích là 8.251 m².

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Lệ T2 về việc chia đôi tài sản chung, giao cho ông T1 quản lý sử dụng 01 căn nhà, 01 chòi giữ xuống, 01 chiếc xe hiệu Sirius, một công xô nước, 01 giếng khoan. Buộc ông Đỗ Minh T1 giao cho bà Nguyễn Lệ T2 ½ giá trị tài sản là 28.676.326 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k.

Buộc ông T1 trả cho bà T2 công sức đóng góp với số tiền 72.113.200 đồng

Buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T2 tiền chi phí định giá với số tiền 1.179.500 đồng.

4. Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tô Thế K1, bà Nguyễn Hồng M, bà Biện Thị C (Chờ), bà Trần Diễm K2, bà Trần Thị N2, bà Huỳnh Thị Ú.

Buộc ông Đỗ Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thế K1 và bà Trịnh Thị N1 5.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Hồng M 20.000.000 đồng; trả cho bà Biện Thị C (Chờ) 05 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Diễm K2 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thị N2 13.000.000 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Ú 5.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Lệ T2 có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thế K1 và bà Trịnh Thị N1 5.000.000 đồng; trả cho bà Nguyễn Hồng M 20.000.000 đồng; trả cho bà Biện Thị C (Chờ) 05 chỉ vàng 24k và 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Diễm K2 10.000.000 đồng; trả cho bà Trần Thị N2 13.000.000 đồng; trả cho bà Huỳnh Thị Ú 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Đỗ Minh T1 chịu và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006429 ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông T1 phải nộp 4.000.000 đồng (chưa nộp), ông T1 có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Nguyễn Lệ T2 phải nộp án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 5.294.476 đồng, bà T2 đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 2.294.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006489 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí, bà T2 phải nộp tiếp 3.000.476 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Tô Thế K1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Tô Thế K1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006544 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- Bà Huỳnh Thị Ú không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Ú đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006545 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- Bà Nguyễn Hồng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Ú đã nộp tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006547 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- Bà Biện Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Biện Thị C đã nộp tạm ứng án phí 1.415.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006546 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- Bà Trần Thị N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Thị N2 đã nộp tạm ứng án phí 650.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006561 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- Bà Trần Diễm K2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Trần Diễm K2 đã nộp tạm ứng án phí 500.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0006565 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

- *Án phí phúc thẩm* : Ông Đỗ Minh T 1phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai số 0007259 ngày 10/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu đối trừ.

Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út